TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 10 năm 2019
V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Đương

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2019, về việc "Yêu cầu ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-8 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị H; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn , xã M, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Cao Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Nguyễn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-9-2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một thời gian thì bắt đầu nãy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống trái ngược nhau, cuộc sống ngày càng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi vả, xúc phạm lẫn nhau, có nhiều lần anh T đánh đập chị H. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả ra. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 12-2017 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Cao Thị H và anh Nguyễn T không có con chung.

- Về chia tài sản chung: Chị Cao Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh Nguyễn T cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Nguyễn T.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị Cao Thị H; Bản sao Sổ hộ khẩu của chị Cao Thị H; bản sao Trích lục kết hôn của chị Cao Thị H và anh Nguyễn T; Bản tự khai của chị Cao Thị H; Bản gốc biên bản xác minh ngày 15-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Nguyễn T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo số 85, ngày 23-9-2015. Chị Cao Thị H và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung giữa chị H và anh T nãy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vả, xúc phạm lẫn nhau, có nhiều lần anh T đánh đập chị H. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả ra. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 12-2017 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị H.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị H và anh Nguyễn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Cao Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị H và anh Nguyễn T.

2. Về án phí: Buộc chị Cao Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005549 ngày 15-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Cao Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính